

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị.

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực như sau:

1. Khu vực Hòn La với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm HL1, HL2, HL3 và HL4 có tọa độ sau đây:

HL1: 17°57'39,1"N, 106°30'33,1"E;

HL2: 17°57'39,1"N, 106°34'10,4"E;

HL3: 17°53'03,6"N, 106°34'10,4"E;

HL4: 17°53'03,6"N, 106°27'35,7"E.

b) Ranh giới về phía đất liền: được giới hạn từ điểm HL4 chạy theo mép nước dọc bờ biển xã Phú Trạch về phía Bắc đến điểm HL1.

2. Khu vực Cửa Gianh với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm CG2, CG3, CG4 và CG5 có tọa độ sau đây:

CG2: 17°44'03,6"N, 106°28'27,4"E;

CG3: $17^{\circ}44'03,6''\text{N}$, $106^{\circ}34'10,4''\text{E}$;

CG4: $17^{\circ}40'03,6''\text{N}$, $106^{\circ}34'10,4''\text{E}$;

CG5: $17^{\circ}40'03,6''\text{N}$, $106^{\circ}30'31,4''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền trên khu vực sông Gianh: được giới hạn bởi đoạn thẳng nối điểm CG1 có tọa độ: $17^{\circ}42'55,1''\text{N}$, $106^{\circ}26'34,9''\text{E}$ với điểm CG6 có tọa độ: $17^{\circ}42'37,6''\text{N}$, $106^{\circ}26'28,2''\text{E}$ cách cầu đường bộ Gianh về phía hạ lưu 150m; từ điểm CG1 chạy dọc theo bờ sông Gianh và đường bờ biển ra đến điểm CG2, từ điểm CG6 chạy dọc theo bờ sông Gianh và đường bờ biển ra đến điểm CG5.

3. Khu vực Cửa Việt với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm CV2, CV3, CV4, CV5 và CV6 có tọa độ sau đây:

CV2: $16^{\circ}55'01,6''\text{N}$, $107^{\circ}10'59,4''\text{E}$;

CV3: $16^{\circ}56'24,6''\text{N}$, $107^{\circ}10'59,4''\text{E}$;

CV4: $16^{\circ}56'24,6''\text{N}$, $107^{\circ}13'53,4''\text{E}$;

CV5: $16^{\circ}53'39,6''\text{N}$, $107^{\circ}13'53,4''\text{E}$;

CV6: $16^{\circ}53'39,6''\text{N}$, $107^{\circ}12'22,4''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền trên khu vực sông Hiếu: được giới hạn bởi đoạn thẳng nối điểm CV1 có tọa độ: $16^{\circ}54'18,6''\text{N}$, $107^{\circ}10'58,4''\text{E}$ với điểm CV7 có tọa độ: $16^{\circ}54'01,6''\text{N}$, $107^{\circ}11'10,4''\text{E}$ cách cầu đường bộ Cửa Việt về phía hạ lưu 150m; từ điểm CV1 chạy dọc theo bờ sông Hiếu và đường bờ biển ra đến điểm CV2, từ điểm CV7 chạy dọc theo bờ sông Hiếu và đường bờ biển ra đến điểm CV6.

4. Khu vực Mỹ Thủy với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm MT1, MT2, MT3 và MT4 có tọa độ sau đây:

MT1: $16^{\circ}48'22,6''\text{N}$, $107^{\circ}18'11,4''\text{E}$;

MT2: $16^{\circ}53'05,6''\text{N}$, $107^{\circ}22'12,4''\text{E}$;

MT3: $16^{\circ}49'53,6''\text{N}$, $107^{\circ}26'24,4''\text{E}$;

MT4: $16^{\circ}45'14,6''\text{N}$, $107^{\circ}22'22,4''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền: được giới hạn từ điểm MT1 chạy dọc theo bờ biển về phía Đông Nam bao lấy vùng nước trước bến cảng Mỹ Thủy đến điểm MT4.

5. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN50016, VN50017, VN50018 và VN30010 được cập nhật mới nhất năm 2025. Tọa độ các điểm quy định tại

Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị bao gồm 04 khu vực hàng hải:

1. Khu vực hàng hải Hòn La.
2. Khu vực hàng hải Cửa Gianh.
3. Khu vực hàng hải Cửa Việt.
4. Khu vực hàng hải Mỹ Thủy.

Điều 3. Khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị

Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và các khu vực hàng hải được quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.
2. Bãi bỏ Thông tư số 57/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị và Thông tư số 13/2014/TT-BGTVT ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình.
3. Bãi bỏ số thứ tự số 08 và số thứ tự số 09 tại Phụ lục Danh mục hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (BTP);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, CHHĐTVN (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phục lục
BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tại khu vực Hòn La.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
HL1	17°57’39,1’’	106°30’33,1’’	17°57’35,5’’	106°30’39,7’’
HL2	17°57’39,1’’	106°34’10,4’’	17°57’35,5’’	106°34’17,0’’
HL3	17°53’03,6’’	106°34’10,4’’	17°53’00,0’’	106°34’17,0’’
HL4	17°53’03,6’’	106°27’35,7’’	17°53’00,0’’	106°27’42,3’’

2. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tại khu vực Cửa Gianh.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
CG1	17°42’55,1’’	106°26’34,9’’	17°42’51,5’’	106°26’41,5’’
CG2	17°44’03,6’’	106°28’27,4’’	17°44’00,0’’	106°28’34,0’’
CG3	17°44’03,6’’	106°34’10,4’’	17°44’00,0’’	106°34’17,0’’
CG4	17°40’03,6’’	106°34’10,4’’	17°40’00,0’’	106°34’17,0’’
CG5	17°40’03,6’’	106°30’31,4’’	17°40’00,0’’	106°30’38,0’’
CG6	17°42’37,6’’	106°26’28,2’’	17°42’34,0’’	106°26’34,8’’

3. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tại khu vực Cửa Việt.

Vị trí	Tọa độ VN-2000		Tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
CV1	16°54’18,6’’	107°10’58,4’’	16°54’15,0’’	107°11’05,0’’
CV2	16°55’01,6’’	107°10’59,4’’	16°54’58,0’’	107°11’06,0’’
CV3	16°56’24,6’’	107°10’59,4’’	16°56’21,0’’	107°11’06,0’’
CV4	16°56’24,6’’	107°13’53,4’’	16°56’21,0’’	107°14’00,0’’
CV5	16°53’39,6’’	107°13’53,4’’	16°53’36,0’’	107°14’00,0’’
CV6	16°53’39,6’’	107°12’22,4’’	16°53’36,0’’	107°12’29,0’’
CV7	16°54’01,6’’	107°11’10,4’’	16°53’58,0’’	107°11’17,0’’

4. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Trị tại khu vực Mỹ Thủy.

Vị trí	Toạ độ VN-2000		Toạ độ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
MT1	16°48'22,6"	107°18'11,4"	16°48'19,0"	107°18'18,0"
MT2	16°53'05,6"	107°22'12,4"	16°53'02,0"	107°22'19,0"
MT3	16°49'53,6"	107°26'24,4"	16°49'50,0"	107°26'31,0"
MT4	16°45'14,6"	107°22'22,4"	16°45'11,0"	107°22'29,0"